

PHỤ LỤC 1

Hướng dẫn chuyên môn môn Tiếng Việt

*(Ban hành theo công văn số/SGDDĐT-GDTH ngày ... tháng ... năm 2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2024 - 2025)*

1. Hướng dẫn chung

Các Phòng GDĐT chỉ đạo nhà trường và giáo viên tiếp tục thực hiện nghiêm túc công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Cụ thể:

1.1. Đổi mới cách dạy và cách học môn Tiếng Việt

1.1.1. Đặc biệt chú trọng việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập Tiếng Việt; dành nhiều thời gian cho các hoạt động thực hành, vận dụng, trình bày, thảo luận để rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói, nghe và cảm thụ thẩm mỹ theo yêu cầu, mức độ với từng lớp học. Trong quá trình dạy học, giáo viên cần giao nhiệm vụ học tập rõ ràng, phù hợp với khả năng của học sinh; nêu cụ thể các yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành; chú trọng kiểm tra đánh giá, hỗ trợ, động viên học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập.

1.1.2. Xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt theo hướng tăng cường rèn luyện cho học sinh phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học ở trong và ngoài lớp học.

1.1.3. Đối với dạy đọc, xác định rõ mục đích giúp học sinh biết cách đọc và tự đọc hiểu được văn bản; thông qua đó hình thành phẩm chất, nhân cách học sinh. Coi ngữ liệu là phương tiện và việc tìm hiểu ngữ liệu là cách thức để hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu văn bản. Bên cạnh việc giúp học sinh hiểu được nội dung và hình thức của văn bản, cần chú ý trang bị cho học sinh công cụ, cách thức để đọc hiểu các văn bản cùng thể loại hoặc loại hình với văn bản được học. Giáo viên có thể đưa ra những gợi ý, chỉ dẫn để giúp học sinh đọc nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình để áp đặt hay thay thế cho những suy nghĩ của học sinh, tránh đọc chép và yêu cầu học sinh ghi nhớ kiến thức một cách máy móc. Gắn dạy đọc với các hoạt động dạy viết, nói, nghe, thực hành tiếng Việt và các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với từng lớp học, cấp học.

Đối với dạy viết, chú trọng yêu cầu học sinh hình thành ý tưởng, biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo, có sức thuyết phục để qua đó rèn luyện tư duy và cách viết các kiểu văn bản. Tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học sinh thực hiện các bước tạo lập văn bản. Ở mỗi bước giáo viên có thể sử dụng, khai thác ngữ liệu minh họa một cách hợp lý, giúp học sinh hiểu được đặc điểm hình thức, ngôn ngữ, phương thức biểu đạt của từng kiểu văn bản; từ đó, giúp học sinh hình thành kỹ năng viết của mình. Xây dựng và tăng cường sử dụng các bài tập dạy viết gắn với các tình huống thực tiễn và giả định để học sinh nhận thức được mối quan hệ giữa yêu cầu học viết trong nhà trường với nhu cầu tạo lập các sản phẩm viết trong đời sống.

1.2. Đổi mới cách đánh giá học sinh trong môn Tiếng Việt

1.2.1. Việc đánh giá học sinh trong môn Tiếng Việt cần đảm bảo nguyên tắc phát huy được những mặt tích cực của cá tính, trí tưởng tượng, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực tư duy hình tượng và tư duy logic của học sinh.

1.2.2. Tập trung thiết kế và sử dụng các câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đọc, viết, nói, nghe vào bối cảnh và ngữ liệu mới; tạo cơ hội để học sinh khám phá những tri thức mới, đề xuất ý tưởng và tạo ra sản phẩm mới; gợi mở những liên tưởng, tưởng tượng, huy động được vốn sống vào quá trình đọc, viết, nói, nghe.

1.2.3. Trong đánh giá kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học, tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa làm ngữ liệu xây dựng các đề kiểm tra đọc hiểu và viết để đánh giá chính xác năng lực học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

1.2.4. Khuyến khích việc xây dựng và sử dụng các đề mở trong kiểm tra, đánh giá để phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của học sinh. Xây dựng bộ công cụ đánh giá để hạn chế tính chủ quan, cảm tính của người chấm. Khi nhận xét, đánh giá các sản phẩm của học sinh, cần tôn trọng và khuyến khích cách nghĩ, cách cảm riêng của học sinh trên nguyên tắc không vi phạm những chuẩn mực đạo đức, văn hóa và pháp luật.

1.3. Tăng cường quản lý, chỉ đạo hoạt động dạy học môn Tiếng Việt

1.3.1. Các Phòng GDĐT xem xét, góp ý kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt của các nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; theo dõi, giám sát quá trình thực hiện đổi mới dạy học và kiểm tra, đánh giá trong môn Tiếng Việt; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích giáo viên tích cực, chủ động, sáng tạo trong dạy học và kiểm tra, đánh giá.

1.3.2. Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ, nhóm chuyên môn đối với môn Tiếng Việt dựa trên Nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ để giáo viên có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm trong dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt thông qua hội nghị, hội thảo học tập, giao lưu giữa các nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa mới.

2. Hướng dẫn cụ thể

2.1. Về yêu cầu cần đạt

Trên cơ sở nghiên cứu kỹ yêu cầu cần đạt đối với từng mạch kiến thức, kỹ năng của từng khối lớp cũng như đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn địa phương, giáo viên linh hoạt chia mỗi yêu cầu thành các chặng để thuận tiện xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt.

2.2. Về nội dung dạy học

Khuyến khích giáo viên linh hoạt điều chỉnh thời lượng tổ chức dạy học các chủ đề, chủ điểm, bài học, hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn địa phương.

Khuyến khích giáo viên điều chỉnh, thay mới một số ngữ liệu không phù hợp trong sách giáo khoa (nếu có); nếu lựa chọn sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa thì

phải đảm bảo ngữ liệu có nguồn gốc rõ ràng, mang tính giáo dục cao, phù hợp với yêu cầu cần đạt và nội dung giảng dạy; sử dụng ngữ liệu mới trong các tiết thực hành, các bài tập mở rộng; đặc biệt là trong việc ra đề kiểm tra, đánh giá định kì cuối mỗi kì.

Nghiên cứu để thực hiện tích hợp phù hợp và hiệu quả các nội dung giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống; quyền con người; tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước và giáo dục STEM trong kế hoạch dạy học môn học cũng như từng bài học cụ thể.

2.3. Về phương pháp, kĩ thuật dạy học

Khuyến khích giáo viên sáng tạo trong đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh; linh hoạt sử dụng đồ dùng dạy học truyền thống kết hợp với hiện đại; chú trọng dạy học phân hóa đối tượng, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, năng động, tránh bám sát sách giáo khoa và sách giáo viên một cách máy móc dẫn đến gò bó, khô cứng trong các giờ dạy Tiếng Việt.

2.4. Về phương tiện dạy học

Khuyến khích giáo viên sử dụng kết hợp phương tiện dạy học truyền thống và hiện đại, khai thác tối ưu sách giáo khoa trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học.

2.5. Về phương pháp, kĩ thuật đánh giá

Thực hiện đánh giá thường xuyên và định kì môn Tiếng Việt theo Thông tư 27; khuyến khích giáo viên bổ sung câu hỏi, bài tập mức độ 3 trong các bài dạy để phát triển năng lực tiếng Việt của học sinh; lựa chọn hình thức phù hợp để lưu giữ minh chứng đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt, đặc biệt đối với kĩ năng đọc, nói và nghe.

Xây dựng kế hoạch triển lãm, giới thiệu sản phẩm học tập môn Tiếng Việt của học sinh. Phòng GDĐT tiếp tục hướng dẫn các trường nhân rộng mô hình **Góc Tiếng Việt** với hình thức linh hoạt: góc học tập tại lớp, mục trên trang thông tin của trường, góc Tiếng Việt trực tuyến, sinh hoạt Câu lạc bộ Tiếng Việt,... để giới thiệu, triển lãm sản phẩm học tập môn Tiếng Việt của học sinh, khuyến khích học sinh yêu thích và sáng tạo trong học tập Tiếng Việt. Tránh việc xây dựng **Góc Tiếng Việt** mang tính hình thức. Lựa chọn các sản phẩm sáng tạo để gửi đăng trên các tạp chí dành cho thiếu niên, nhi đồng. Kết hợp giới thiệu mô hình **Góc Tiếng Việt** có nhiều sáng tạo trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, hội họp,...

Đặc biệt chú trọng việc xây dựng ma trận, thiết kế đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt theo Thông tư 27, theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực học sinh. Xây dựng ma trận kiểm tra định kì cho cả năm học, từ đó xác định những kiến thức, kĩ năng cần đánh giá ở mỗi kì kiểm tra. Chú trọng thiết kế câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng được học; hình thức câu hỏi đa dạng; tránh những câu hỏi, bài tập có đáp án không tường minh. Về hình thức, bài kiểm tra định kì cần được thiết kế khoa học, tích hợp các nội dung kiểm tra, tránh rườm rà. Không đưa hướng dẫn chấm dành cho giáo viên vào bài kiểm tra.

Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động đọc sách, khuyến khích học sinh dành thời gian đọc sách, hướng tới hình thành và phát triển văn hóa đọc cho các em.

Tổ chức các chuyên đề Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo CTGDPT 2018 và sách giáo khoa mới giúp giáo viên hiểu sâu sắc chương

trình, nắm được những điểm mới, nâng cao hiệu quả dạy và học Tiếng Việt trong nhà trường.

Đánh giá học sinh lớp 1 thực hiện theo công văn số 3863/GDDT-TH ngày 18 tháng 11 năm 2020 Về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

Đánh giá học sinh lớp 2 và lớp 3 thực hiện theo mục 3, Phụ lục 1 công văn số 3392/SGDDĐT-GDTH ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2022 - 2023.

Đánh giá học sinh lớp 4 thực hiện theo mục 3 Phụ lục 1 công văn số 4567/SGDDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024.

3. Hướng dẫn kiểm tra định kì môn Tiếng Việt lớp 5

3.1. Ma trận đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt - nội dung kiểm tra đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
		TN/TL	TN/TL	TN/TL	
Đọc hiểu văn bản	Số câu	4 TN	2 TL	1 TL	7 câu
	Số điểm	2	2	1	5 điểm
Kiến thức tiếng Việt	Số câu	2 TN	1 TL	1 TL	4 câu
	Số điểm	1	1	1	3 điểm
Tổng	Số câu	6 TN	3 TL	2 TL	11 câu
	Số điểm	3	3	2	8 điểm

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn đối với lớp 5 để xây dựng ma trận chi tiết:

Nội dung đánh giá		Yêu cầu cần đạt	Số câu	Hình thức		Mức			Điểm
				TN	TL	1	2	3	
Đọc hiểu	Văn bản văn học	Đọc hiểu nội dung (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
		Đọc hiểu hình thức (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
		Liên hệ, so sánh, kết nối (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							

	Văn bản thông tin	Độc hiểu nội dung (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
		Độc hiểu hình thức (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
		Liên hệ, so sánh, kết nối (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
Kiến thức tiếng Việt		Ngữ âm (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
		Từ vựng (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
		Ngữ pháp (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
		Hoạt động giao tiếp (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
		Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ (Căn cứ vào CTGDPT môn Ngữ văn)							
TỔNG									

Lưu ý:

1. Thiết kế ma trận trước khi thiết kế đề kiểm tra, đánh giá định kì. Không làm ngược quy trình.

2. Do yêu cầu cần đạt về đọc hiểu nội dung; đọc hiểu hình thức; liên hệ, so sánh, kết nối đối với mỗi thể loại văn bản khác nhau nên tùy thuộc vào thể loại văn bản được chọn để sử dụng nội dung chi tiết trong ma trận để kiểm tra định kì đã thiết kế.

3. Nếu có điều kiện, có thể làm ma trận riêng cho văn bản truyện, văn bản thơ, văn bản miêu tả và văn bản thông tin.

3.2. Cấu trúc bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt lớp 5 tham khảo

A. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (khoảng 2 điểm)

- Đọc thành tiếng 01 đoạn/ văn bản (chọn văn bản theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn), tránh sử dụng văn bản đã học. Gợi ý: Có thể chọn các đoạn văn bản có độ dài khoảng 80 - 90 chữ (giữa và cuối học kì I), 90 - 100 chữ (giữa và cuối học kì II) để kiểm tra đọc trong thời gian 01 phút.

- Trả lời 01 câu hỏi đọc hiểu văn bản đã đọc.

2. Đọc hiểu (khoảng 8 điểm)

- Chọn văn bản để thiết kế câu hỏi, bài tập đọc hiểu theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn về độ dài, thể loại, nội dung,... Tránh sử dụng văn bản đã học.

- Câu hỏi đọc hiểu văn bản (khoảng 5 điểm), gồm:

+ 4 câu hỏi trắc nghiệm

+ 3 câu hỏi tự luận

- Câu hỏi kiến thức tiếng Việt (khoảng 3 điểm), gồm:

+ 2 câu hỏi trắc nghiệm

+ 2 câu hỏi tự luận

B. Bài kiểm tra viết (10 điểm)

- Viết đoạn văn, văn bản theo một trong các yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết đoạn văn, văn bản theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn đối với lớp 5.

- Tránh sử dụng các đề bài đã học.

Việc đánh giá kết quả bài kiểm tra định kì của học sinh phải căn cứ vào biểu điểm và hướng dẫn chấm đã được thống nhất trong tổ, khối chuyên môn, Ban Giám hiệu phê duyệt. Kết quả bài kiểm tra định kì có tính chất củng cố kết quả đánh giá quá trình.

(Hướng dẫn này có thể sẽ điều chỉnh sau khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHỤ LỤC 2

Hướng dẫn chuyên môn môn Toán

*(Ban hành theo công văn số/SGDDĐT-GDTH ngày ... tháng ... năm 2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2024 - 2025)*

1. Hướng dẫn chung

Trên cơ sở mục tiêu và yêu cầu chung, giáo viên tiếp tục nghiên cứu để hiểu sâu sắc Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Toán, đảm bảo tính tiếp nối và liên thông giữa các khối lớp.

Linh hoạt trong xây dựng kế hoạch dạy học để thực hiện chương trình, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn và đối tượng học sinh. Trong quá trình dạy học, giáo viên cần chú ý xuất phát từ các tình huống gần gũi với học sinh và tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm việc áp dụng kiến thức toán vào thực tiễn. Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo trong dạy học để phát triển năng lực cho học sinh. Khuyến khích giáo viên *xây dựng học liệu số* cho môn Toán tiểu học.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, nghiên cứu kỹ sách giáo khoa với tư cách là học liệu dạy học để sử dụng hiệu quả, điều chỉnh khi cần thiết. Sử dụng hiệu quả sách giáo khoa và ghi chép lại những nội dung cần điều chỉnh ở sách giáo khoa (nếu có). Chú trọng nghiên cứu sách giáo khoa Toán thuộc các bộ sách khác nhau để làm phong phú nguồn học liệu dạy học, đa dạng hệ thống bài tập.

Thiết kế kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Phụ lục 3, công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

Các hoạt động thiết kế theo hướng tinh gọn, tập trung vào các hoạt động của học sinh, tránh diễn đạt dài dòng, trùng lặp. Chú trọng việc ghi chép nội dung điều chỉnh sau bài dạy. Tăng cường dạy học tích hợp và dạy học phân hóa đối tượng học sinh.

Tăng cường thực hiện Bài học STEM trong đó môn Toán là môn học chủ đạo hoặc môn học tích hợp, tham khảo một số chủ đề STEM từ tài liệu, sách báo; sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn>; từ đó mạnh dạn thiết kế các chủ đề STEM và tổ chức dạy học để rút kinh nghiệm.

Tiếp tục đổi mới đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT (Thông tư 27) ngày 4/9/2020 Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học với những phương pháp, kỹ thuật đánh giá đa dạng, chú trọng đánh giá quá trình. Khuyến khích giáo viên lưu giữ Hồ sơ học tập môn Toán và ghi Nhật ký dạy học làm minh chứng cho quá trình đánh giá.

Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán; có thể sử dụng đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả. Giáo viên cần tổ chức cho học sinh hoạt

động, thao tác với đồ dùng, chú trọng thực hành và tăng cường áp dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Tổ chức chuyên đề môn Toán theo giúp giáo viên hiểu sâu sắc chương trình, nắm được những điểm mới, nâng cao hiệu quả dạy và học trong nhà trường.

2. Hướng dẫn kiểm tra định kì môn Toán lớp 5

- Căn cứ vào mạch kiến thức *theo từng giai đoạn* để xác định tỉ lệ phần trăm của các mạch kiến thức. Ví dụ: *Giai đoạn cuối năm*, mạch số và phép tính chiếm khoảng 50%, hình học đo lường chiếm khoảng 40%, một số yếu tố thống kê và xác suất chiếm khoảng 5% và hoạt động trải nghiệm chiếm khoảng 5%. Có thể linh hoạt lồng ghép các mạch kiến thức, đồng thời linh hoạt tăng giảm các tỉ lệ trong khoảng từ 5% - 10%.

Đối với các chặng giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2; cần căn cứ kế hoạch dạy học môn học của từng tổ khối, từng nhà trường để tính toán tỉ lệ các mạch kiến thức.

- Hình thức kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đó trắc nghiệm khoảng 30%, tự luận khoảng 70%.

- Tỉ lệ giữa các mức độ: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

- Khuyến khích thiết kế ma trận ngay từ đầu năm học cho các chặng theo các bước cơ bản như sau:

+ Liệt kê các chủ đề, nội dung cần kiểm tra;

+ Viết các yêu cầu cần đạt, kiến thức kỹ năng cần đánh giá đối với mỗi cấp độ nhận thức, đồng thời căn cứ theo lượng kiến thức học sinh được tiếp nhận tính đến học kì I (*dựa vào kế hoạch dạy học môn học của tổ khối của từng trường*).

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Số và phép tính	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra
Hình học và đo lường	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra
Một số yếu tố thống kê và xác suất	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra
Hoạt động thực hành và trải nghiệm	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Viết các yêu cầu cần đạt cần kiểm tra

+ Quyết định phân phối tỉ lệ % điểm cho mỗi chủ đề, nội dung, mạch kiến thức; tỉ lệ phần trăm số câu và số điểm cho mỗi mức độ nhận thức. Ví dụ:

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	TỔNG CỘNG
Số và phép tính	3 câu 3đ	1 câu 1đ	1 câu 1đ	5đ 50%
Hình học và đo lường	2 câu 1,5đ	2 câu 2đ	1 câu 1đ	4,5đ 45%
Một số yếu tố thống kê và xác suất	1 câu 0,5đ			0,5đ 5%
Hoạt động thực hành và trải nghiệm		Lồng ghép Hình học vào đo lường		
Tổng số câu Tổng số điểm	6 câu 5đ	3 câu 3đ	2 câu 2đ	

+ Tính tổng số điểm, tổng số câu hỏi cho mỗi cột và kiểm tra tỉ lệ phần trăm tổng số điểm phân phối cho mỗi cột. Ví dụ như cho giai đoạn cuối năm dưới đây:

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1		Mức 2		Mức 3		TỔNG CỘNG	
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số và phép tính	1 câu 1đ	2 câu 2đ		1 câu 1đ		1 câu 1đ	1 câu 1đ	4 câu 4đ
Hình học và đo lường	2 câu 1,5đ			2 câu 2đ		1 câu 1đ	2 câu 1,5đ	3 câu 3đ
Một số yếu tố thống kê và xác suất	1 câu 0,5đ						1 câu 0,5đ	
Tổng số câu Tổng số điểm	6 câu 5đ		3 câu 3đ		2 câu 2đ		4 câu 3đ	7 câu 7đ

+ Đánh giá, rà soát lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

- Về thiết kế nội dung đề kiểm tra cần lưu ý:

+ Căn cứ vào ma trận đã thiết kế để xây dựng hệ thống câu hỏi, nên đa dạng hình thức trắc nghiệm. Nội dung cần tập trung kiểm tra sẽ được ưu tiên chọn trước, các nội dung khác sẽ được cân nhắc lựa chọn sau.

+ Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng, đủ ý, tránh những câu hỏi, bài tập không rõ ràng hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi. Tùy theo yêu cầu về mức độ câu hỏi, có thể tăng hoặc giảm độ khó bằng cách tăng hay giảm thông tin trong câu hỏi.

+ Thiết kế đề đánh giá định kì theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Số lượng câu hỏi tùy mức độ quan trọng của mỗi nội dung cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng mức độ nhận thức.

- Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung cho thích hợp. Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Trong biểu điểm chấm, có thể cho điểm lẻ đến 0.5.

PHỤ LỤC 3

Hướng dẫn chuyên môn môn Tự nhiên và xã hội

(Ban hành theo công văn số/SGDDĐT-GDTH ngày ... tháng ... năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024)

1. Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

1.1. Chú trọng các quan điểm dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2 và 3

- Đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học và chương trình môn học.
- Chú trọng quan điểm dạy học tích hợp.
- Chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh.
- Đảm bảo tính thực tiễn và xoay quanh các mối quan hệ gần gũi, thân quen với học sinh tiểu học.
- Đảm bảo tính đa dạng, phù hợp với nhiều học sinh ở các vùng miền khác nhau.
- Chú trọng tính mở, linh hoạt cho người dạy và người học.

1.2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2 và 3

1.2.1. Phương pháp dạy học

- Định hướng chung về việc sử dụng phương pháp dạy học:
 - + Tổ chức cho HS được quan sát.
 - + Tổ chức cho HS được tương tác.
 - + Tổ chức cho HS được trải nghiệm.
 - + Lựa chọn và phối hợp sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau theo hướng linh hoạt, phù hợp, sáng tạo.
- Các nhóm phương pháp dạy học phù hợp với việc bồi dưỡng phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3.
- Tùy từng phần và nội dung của bài học, khi được trình bày với những mục đích khác nhau, giáo viên có thể khai thác và lựa chọn sử dụng những phương pháp dạy học đặc trưng khác nhau.

1.2.2. Hình thức tổ chức dạy học

Kết hợp nhiều hình thức tổ chức dạy học khác nhau như dạy học trên lớp, ngoài hiện trường, tham quan. Kết hợp sử dụng *Tài liệu Giáo dục địa phương*, lồng ghép, tích hợp trong các môn học có liên quan đến lịch sử và địa lí địa phương

2. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Một số đặc trưng của đánh giá phẩm chất, năng lực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3:

- Quan tâm đánh giá phẩm chất của học sinh, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích học sinh thể hiện cá tính và năng lực bản thân. Các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm* của học sinh được đánh giá chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập của bài học.

- Đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá học sinh: Đánh giá qua lời nói, trả lời câu hỏi; Đánh giá qua phiếu bài tập, bài tự luận, trắc nghiệm...; Đánh giá các sản phẩm quan sát, thực hành của nhóm, cá nhân; Đánh giá qua việc quan sát HS tham gia các hoạt động; Đánh giá qua sự phản hồi của các lực lượng giáo dục...

- Kết hợp đánh giá quá trình làm việc cá nhân với đánh giá sự hợp tác và làm việc nhóm, tập thể của học sinh.

- Không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động mà còn chú trọng đến quá trình tạo ra sản phẩm của hoạt động, coi trọng ý tưởng sáng tạo, tinh thần làm việc để tạo ra sản phẩm trong quá trình học tập. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì sau từng chủ đề nhằm điều chỉnh quá trình dạy học.

- Trọng tâm đánh giá môn học nhấn mạnh đến đánh giá năng lực của người học.

- Khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo của cá nhân và các nhóm học sinh ở những thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đánh giá cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội và cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

- Đánh giá năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội: Căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, giáo viên có thể thiết kế các câu hỏi, các bài tập để đánh giá năng lực khoa học của học sinh.

- Năng lực nhận thức khoa học: Có thể đánh giá thông qua việc yêu cầu học sinh nêu, mô tả, trình bày được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh; so sánh, lựa chọn và phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh đặt được câu hỏi, nêu thắc mắc về một số sự vật, hiện tượng; quan sát và tiến hành được các thao tác thực hành để nhận xét về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên và xã hội.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh giải thích, phân tích một số tình huống có liên quan đến bài học; nhận xét, đánh giá cách ứng xử của mọi người xung quanh; nêu và thực hiện được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống và chia sẻ với mọi người xung quanh cùng thực hiện.

PHỤ LỤC 4

Hướng dẫn chuyên môn môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý
(Ban hành theo công văn số/SGDDĐT-GDTH ngày ... tháng ... năm 2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024)

1. Hướng dẫn dạy học các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí

1.1. Nguyên tắc

- Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học là môn học bắt buộc, được tổ chức dạy và học ở lớp 4 và lớp 5.

- Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam, các nước láng giềng và một số nét cơ bản về địa lí, lịch sử thế giới. Nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí còn liên quan trực tiếp với nhiều môn học và các hoạt động giáo dục khác như: Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm,....

- Khoa học: được xây dựng dựa trên nền tảng cơ bản, ban đầu của khoa học tự nhiên và các lĩnh vực nghiên cứu về giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường. Môn học chú trọng khơi dậy trí tò mò khoa học, bước đầu tạo cho học sinh cơ hội tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, học cách giữ gìn sức khỏe và ứng xử phù hợp với môi trường sống xung quanh.

- Giáo viên cần động viên, khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu các dự án, các cuộc thi *Đố em* hoặc tổ chức các cuộc thi có liên quan đến kiến thức lịch sử, địa lí, khoa học ...

1.2. Hình thức và phương pháp giáo dục:

1.2.1. Phương pháp giáo dục môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học được thực hiện theo các định hướng chung sau:

a) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; tập trung rèn luyện năng lực tự học, bồi dưỡng phương pháp học tập để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể.

c) Sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị dạy học

1.2.2. Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, giáo viên giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu như: yêu quý thiên nhiên, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái xung quanh, yêu quý cộng đồng, yêu quê hương, quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc Việt Nam, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc trên thế giới.

b) Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động học tập nhằm góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung đã được xác định trong Chương trình tổng thể, cụ thể:

- Đối với năng lực tự chủ và tự học: Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tự mình thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi học tập, tham quan; biết đặt ra các câu hỏi đơn giản, tự tìm kiếm và phân tích nguồn thông tin, trả lời câu hỏi về lịch sử và địa lí.

- Đối với năng lực giao tiếp và hợp tác: Khuyến khích và hướng dẫn học sinh diễn đạt ý kiến, tự tin khi đưa ra ý kiến, trao đổi, thảo luận khi có các quan điểm khác nhau; làm việc theo nhóm, chia sẻ suy nghĩ, lắng nghe ý kiến của người khác, cùng nhau xây dựng ý tưởng trong quá trình học tập các vấn đề về lịch sử và địa lí.

- Đối với năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khuyến khích và hướng dẫn học sinh phát hiện một số vấn đề trong cuộc sống, đặt câu hỏi, tìm thông tin, thực hiện các thao tác phân tích, tổng hợp, giải thích, so sánh,... để giải quyết vấn đề; có ý kiến, nhận xét, bình luận về các vấn đề địa lí và lịch sử trong cuộc sống xung quanh.

1.2.3. Phương pháp hình thành và phát triển năng lực đặc thù

Chú trọng tổ chức các hoạt động dạy học giúp học sinh tự tìm hiểu, tự khám phá; rèn luyện cho học sinh biết cách sử dụng sách giáo khoa và các tài liệu học tập, suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới; phối hợp tự học với học tập, thảo luận theo nhóm, đóng vai, làm dự án nghiên cứu; đa dạng hoá các hình thức tổ chức học tập, kết hợp việc học trên lớp với các hoạt động xã hội; tổ chức, hướng dẫn và tạo cơ hội cho học sinh thực hành, trải nghiệm, tiếp xúc với thực tiễn để tìm kiếm, thu thập thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề.

Trong dạy học lịch sử, chú trọng lời kể chuyện, dẫn chuyện. Giáo viên giúp cho học sinh làm quen với lịch sử địa phương, lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và thế giới thông qua việc kết hợp giữa kiến thức lịch sử cơ bản và các câu chuyện lịch sử; tạo cơ sở để học sinh bước đầu nhận thức về khái niệm thời gian, không gian; đọc hiểu các nguồn sử liệu đơn giản về sự kiện, nhân vật lịch sử;... Đối với địa lí, dạy học gắn liền với việc khai thác kiến thức từ các nguồn tư liệu lược đồ, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu; chú trọng dạy học khám phá, quan sát thực địa; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh như: thảo luận, đóng vai, làm dự án nghiên cứu,... nhằm khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của học sinh đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, từ đó hình thành năng lực tự học và khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.

Tùy theo điều kiện cụ thể ở địa phương, giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học ở ngoài lớp học và ngoài khuôn viên nhà trường như gặp gỡ các cá nhân, tập thể đã trực tiếp tham gia vào các sự kiện lịch sử, các hoạt động xã hội; tham quan các cảnh quan, di tích lịch sử - văn hoá, triển lãm, bảo tàng;...

- Chú trọng vận dụng hình thức dạy học ngoài trời, hoạt động ngoại khóa gắn với nội dung kiến thức chương trình học, kết hợp sử dụng tài liệu *Giáo dục địa phương Thành phố Hồ Chí Minh* trong các buổi học tập ngoại khóa và sử dụng lồng ghép, tích hợp trong các môn học có liên quan đến lịch sử và địa lí cũng như kiến thức về thiên nhiên, môi trường sống. Chú trọng thực hiện kế hoạch giảng dạy về chủ đề Địa phương em đối với khối lớp 4 đảm bảo mạch kiến thức cần đạt theo nội dung đã được tập huấn bồi dưỡng hè.

1.2.4. Phương pháp giáo dục môn Khoa học được thực hiện theo các định hướng chung nêu tại Chương trình tổng thể, bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Tổ chức các hoạt động học tập phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Chú trọng tạo cơ hội cho học sinh học qua trải nghiệm; học qua điều tra, khám phá thế giới tự nhiên, qua quan sát, thí nghiệm, thực hành, xử lý tình huống thực tiễn, qua hợp tác, trao đổi với bạn; học ở trong và ngoài lớp học, ngoài khuôn viên nhà trường.

b) Dạy học gắn liền với thực tiễn; rèn luyện năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong đời sống thực của học sinh.

c) Vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể; quan tâm đến hứng thú và chú ý tới sự khác biệt về khả năng của học sinh để áp dụng phương pháp dạy học phù hợp, hiệu quả nhằm hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực ở mỗi học sinh.

1.2.5. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua các hoạt động quan sát, thí nghiệm, thực hành trải nghiệm, điều tra, khám phá thế giới tự nhiên, học sinh được bồi dưỡng tình cảm yêu quý, trân trọng con người; tình yêu thiên nhiên và ý thức bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; ý thức giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn uống, vệ sinh môi trường và phòng tránh dịch bệnh; ý thức tự giác rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe, giữ an toàn cho bản thân và người khác; ý thức sử dụng tiết kiệm các đồ dùng, vật dụng và năng lượng trong cuộc sống; ham tìm hiểu, tích cực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống hằng ngày.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

- Để góp phần hình thành, phát triển năng lực tự chủ và tự học ở học sinh, giáo viên đưa ra các nhiệm vụ học tập như quan sát mẫu vật hoặc tranh ảnh, đọc thông tin trong sách, khai thác các nguồn tư liệu bổ trợ, ... và những câu hỏi định hướng để học sinh tìm và ghi lại thông tin; tạo điều kiện cho học sinh tự xác định vấn đề cần tìm hiểu, lập kế hoạch và thực hiện việc tìm hiểu; yêu cầu học sinh tự nhận xét, đánh giá về việc học; giúp học sinh tích cực, tự lực chiếm lĩnh kiến thức, biết cách học độc lập.

- Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác ở học sinh, giáo viên tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm hoặc cả lớp; yêu cầu học sinh trao đổi, chia sẻ thông tin đã thu thập được hoặc nội dung bài học (bằng lời nói, viết, vẽ,...) và cùng nhau hợp tác để hoàn thành sản phẩm học tập chung; tạo điều kiện để học sinh nhận xét, góp ý cho các sản phẩm học tập của học sinh khác, nhóm khác.

- Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở học sinh, giáo viên thiết kế các tình huống có vấn đề, tạo điều kiện cho học sinh tham gia tích cực vào giải quyết vấn đề; sử dụng các câu hỏi, bài tập, tình huống có nội dung thực tiễn, tạo điều kiện cho học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế cuộc sống; các câu hỏi mở, bài tập có nhiều cách giải hoặc các nhiệm vụ học tập (bài tập, trò chơi,...) đòi hỏi sự sáng tạo; các câu hỏi, nhiệm vụ học tập phân hoá cho các nhóm đối tượng học sinh.

1.2.6. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực khoa học tự nhiên

a) Để hình thành và phát triển thành phần năng lực nhận thức khoa học tự nhiên, giáo viên tạo cơ hội cho học sinh huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham

gia hình thành kiến thức mới; tổ chức các hoạt động trong đó học sinh được trình bày hiểu biết, nhận xét, so sánh, phân loại các sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh; giải thích một số mối quan hệ đơn giản, thường gặp trong tự nhiên và đời sống; hệ thống hoá kiến thức, kết nối kiến thức mới với hệ thống kiến thức đã có.

b) Để hình thành và phát triển thành phần năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh, giáo viên tạo cơ hội để học sinh được đề xuất câu hỏi, đưa ra dự đoán về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và đời sống và phương án kiểm tra dự đoán; thu thập các thông tin về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và đời sống bằng nhiều cách khác nhau; sử dụng các thiết bị đơn giản để quan sát, thực hành, làm thí nghiệm tìm hiểu những sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và ghi lại các dữ liệu đơn giản rút ra nhận xét, kết luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng cần tìm hiểu.

c) Để hình thành và phát triển thành phần năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn, giáo viên sử dụng những câu hỏi, bài tập đòi hỏi học sinh phải vận dụng các kiến thức, kĩ năng,... đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong bối cảnh, tình huống mới, gắn với thực tế cuộc sống, vừa sức với học sinh; tạo cơ hội cho học sinh liên hệ, vận dụng phối hợp kiến thức, kĩ năng từ các lĩnh vực khác nhau trong môn học và các môn học khác như Toán, Tin học và Công nghệ,... vào giải quyết những vấn đề thực tế trong cuộc sống ở mức độ phù hợp với khả năng của học sinh.

- Khuyến khích giáo viên có nhiều hình thức tổ chức cho học sinh tiếp cận với thực hành thí nghiệm, phương pháp giáo dục STEM, bài học STEM và các hoạt động trải nghiệm, hành trình sáng tạo STEM liên quan đến các kiến thức nền môn Khoa học và các môn học khác..

2. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí

2.1. Lưu ý chung

Kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm. Học sinh làm một bài kiểm tra môn Khoa học, một bài kiểm tra cho môn Lịch sử - Địa lí, mỗi bài trong thời gian 35 phút.

2.2. Hình thức đề kiểm tra

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận.

- Thực hiện soạn đề theo ma trận có 3 mức độ.

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập; (50%)

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự; (30%)

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống. (20%)

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

2.3. Cấu trúc đề kiểm tra môn Khoa học và Lịch sử - Địa lí:

* Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng - Sai, điền khuyết - viết tiếp, đối chiếu cặp đôi,...)

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi.
- * Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:
 - Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;
 - Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;
 - Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;
 - Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;
 - Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;
 - Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với học sinh chưa nắm vững kiến thức;
 - Mỗi phương án sai xây dựng dựa trên các lỗi nhận thức sai lệch của học sinh;
 - Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;
 - Phân lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;
 - Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;
 - Hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.
- * Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận
 - Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;
 - Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;
 - Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;
 - Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;
 - Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;
 - Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;
 - Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

* Gợi ý ma trận tham khảo:

Nội dung kiến thức	Số câu và số điểm	Mức 1 (50%)		Mức 2 (30%)		Mức 3 (20%)		Tổng điểm 10 điểm	
		TN	TL/TH	TN	TL/TH	TN	TL/TH	TN	TL
	Số câu	1 (Câu 1)							
	Số điểm	1						1	
	Số câu	1 (Câu 2)							

	Số điểm	1						1	
	Số câu	1 (Câu 3)							
	Số điểm	1						1	
	Số câu			1 (Câu 4)					
	Số điểm			1				1	
	Số câu	1 (Câu 5)							
	Số điểm	1						1	
	Số câu			1 (Câu 6)			1 (Câu 9)		
	Số điểm			1			1	1	1
	Số câu		1 (Câu 7)						
	Số điểm		1						1
	Số câu				1 (Câu 8)				
	Số điểm				1				1
	Số câu						1 (Câu 10)		
	Số điểm						1		1
Tổng	Số câu	4	1	2	1		2	6	4
	Số điểm	4	1	2	1		2	6	4
	Tỉ lệ %	40%	10%	20%	10%		20%	60%	40%
		50%		30%		20%		10 điểm	

Ghi chú: Tỉ lệ mức độ nhận thức Mức 1 - Mức 2 - Mức 3: 50% - 30% - 20%
Tỉ lệ Trắc nghiệm - Tự luận: 60% - 40%

* Lưu ý Đề kiểm tra lớp 5 môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí vẫn thực hiện theo PHỤ LỤC 4 *Hướng dẫn chuyên môn các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí* (Ban hành theo công văn số 3392/SGDDT-GDTH ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2022 - 2023)

PHỤ LỤC 5**Hướng dẫn chuyên môn môn Tin học và Công nghệ**

*(Ban hành theo công văn số/SGDDĐT-GDTH ngày ... tháng ... năm 2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024)*

1. Hướng dẫn chung

Thực hiện dạy học môn Tin học và Công nghệ ở lớp 3, 4, 5 theo hình thức bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 với thời lượng 35 tiết/năm học/môn học. Hiệu trưởng phân công giáo viên dạy nhiều môn hoặc giáo viên chuyên, các giáo viên đã hoàn thành lớp bồi dưỡng kiến thức dạy học môn Công nghệ để dạy học môn Công nghệ.

Môn Tin học và Công nghệ ở lớp 3, 4, 5 thực hiện tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập, theo Chương trình GDPT 2018 môn Tin học và môn Công nghệ; thực hiện điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này theo hướng dẫn tại Quyết định 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học như sau:

Vị trí	Nội dung	Được sửa
Dòng thứ 7, mục 1. Các môn học và hoạt động giáo dục (trang 4)	“Tin học và Công nghệ”	Bỏ cụm từ “Tin học và Công nghệ” và sửa lại như sau: Chia dòng thứ 7 này thành 02 dòng, tại mỗi dòng tương ứng với cột “Môn học và hoạt động giáo dục” ghi lần lượt như sau: “Tin học và Công nghệ (Tin học)” và “Tin học và Công nghệ (Công nghệ)”.
Cột “Môn học và hoạt động giáo dục”, mẫu 4 và mẫu 7, Phụ lục 2 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT	“Tin học và Công nghệ”	Sửa lại tên cột này là “Tin học và Công nghệ (Tin học)” và bổ sung cột “Tin học và Công nghệ (Công nghệ)”
Cột “Môn học và hoạt động giáo dục”, mẫu 5 và mẫu 8, Phụ lục 2 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT	“Tin học-Công nghệ”	“Tin học và Công nghệ (Tin học)” và bổ sung cột “Tin học và Công nghệ (Công nghệ)” gồm 02 cột thành phần là “Mức đạt được” và “Điểm KTĐK”

Cột “Môn học và hoạt động giáo dục”, mẫu 6 và mẫu 9, Phụ lục 2 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT	“TH-CN”	“Tin học và Công nghệ (Tin học)” và bổ sung cột “Tin học và Công nghệ (Công nghệ)” gồm 02 cột thành phần là “Mức đạt được” và “Điểm KTĐK”
---	---------	---

2. Hướng dẫn cụ thể

2.1. Môn Tin học

2.1.1. Thời lượng dạy học:

- Đối với lớp 1, 2: Tuỳ điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của học sinh, nhà trường có thể tổ chức hoạt động giáo dục làm quen với tin học với thời lượng tối đa 2 tiết/tuần, sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá chất lượng. Tuân thủ Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác có liên quan.

- Đối với lớp 3, 4, 5: Thực hiện theo quy định về Chương trình môn Tin học thuộc Chương trình GDPT 2018, tổ chức dạy tin học bắt buộc với thời lượng 1 tiết/tuần.

2.1.2. Kiểm tra đánh giá

- Đối với lớp 1, 2: Học sinh được đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, tuy nhiên kết quả đánh giá chỉ nhằm mục đích ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, không sử dụng để đánh giá kết quả giáo dục cuối kì của học sinh.

- Đối với lớp 3, 4, 5: Cuối mỗi học kì, học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%). Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm);

+ Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy tính (tỉ lệ 50% số điểm).

Kết quả bài kiểm tra định kì chỉ là một trong nhiều yếu tố để tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục. Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kì về môn học, hoạt động giáo dục để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục cho học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

2.1.3. Triển khai dạy tin học theo chuẩn quốc tế

Sau khi thực hiện xong các tiết dạy tin học theo hướng dẫn tại mục 2.1.1. nêu trên, nếu còn điều kiện về cơ sở vật chất, thời gian, giáo viên, đồng thời tuỳ theo nhu cầu của cha mẹ học sinh, nhà trường có thể tổ chức chương trình tin học tăng cường định hướng chuẩn quốc tế nhằm thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030” ban hành kèm theo Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với chương trình, tài liệu đã được hướng dẫn trong đề án với thời lượng tối đa 2 tiết/tuần.

Tài liệu, giáo trình, chương trình giảng dạy phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá chất lượng, có phân phối chương trình phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học tại trường. Tuân thủ Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác có liên quan.

Thực hiện Công văn số 2057/SGDDĐT ngày 15/7/2021 về hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học theo chuẩn quốc tế kể từ năm học 2021-2022 đối với cấp tiểu học

- Giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2025:

+ Đối với các trường Tiên tiến - hội nhập: 100% học sinh được học và 50% đạt chứng chỉ Tin học quốc tế.

+ Đối với các trường phổ thông khác: đáp ứng 50% nhu cầu học sinh và 30% học sinh đạt chứng chỉ Tin học quốc tế.

+ Về đội ngũ giáo viên: 100% giáo viên dạy Tin học được chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu dạy Chương trình Tin học quốc tế theo cấp học.

+ Về cơ sở vật chất: tiếp tục đầu tư nâng cấp, đảm bảo 100% các trường phổ thông có phòng máy vi tính và 80% đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, cấu hình máy đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo chương trình chuẩn quốc tế.

Giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030:

+ Đối với các trường Tiên tiến - hội nhập: 100% học sinh được học và 80% đạt chứng chỉ Tin học quốc tế.

+ Đối với các trường phổ thông khác: đáp ứng 80% nhu cầu học sinh và 50% học sinh đạt chứng chỉ Tin học quốc tế.

+ Về đội ngũ giáo viên: 100% giáo viên dạy Tin học được chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu dạy Chương trình Tin học quốc tế theo cấp học.

+ Về cơ sở vật chất: tiếp tục đầu tư nâng cấp, đảm bảo 100% nhà trường có đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, cấu hình máy vi tính đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo chương trình chuẩn quốc tế.

Yêu cầu cần đạt của chất lượng dạy học Tin học theo chuẩn quốc tế ở Tiểu học:

Chương trình ICDL Digital Student:

Stt	Khối lớp	Tên chứng chỉ
Mô-đun 1	Lớp 3	ICDL Digital Explorer - First Steps
Mô-đun 2	Lớp 4	ICDL Digital Explorer - Application Basics
Mô-đun 3	Lớp 5	ICDL Digital Explorer - Online Basics

Chương trình IC3 Spark:

Stt	Khối lớp	Tên chứng chỉ
Mô-đun 1	Lớp 3	IC3 Spark – Máy tính căn bản

Mô-đun 2	Lớp 4	IC3 Spark – Các ứng dụng chủ chốt
Mô-đun 3	Lớp 5	IC3 Spark – Cuộc sống trực tuyến

2.2. Môn Công nghệ:

2.2.1. Thời lượng dạy học:

Đối với lớp 3, 4, 5: Thực hiện theo quy định về Chương trình môn Công nghệ thuộc Chương trình GDPT 2018, thời lượng 1 tiết/tuần.

2.2.2. Kiểm tra đánh giá

Cuối mỗi học kì, học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%). Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

- + Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm);
- + Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm).

Kết quả bài kiểm tra định kì chỉ là một trong nhiều yếu tố để tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục. Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kì về môn học, hoạt động giáo dục để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục cho học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

PHỤ LỤC 6

Hướng dẫn chuyên môn Các môn học và hoạt động giáo dục khác
(Ban hành theo công văn số/SGDDĐT-GDTH ngày ... tháng ... năm 2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024)

1. Hướng dẫn dạy học môn Đạo đức

Trên cơ sở những yêu cầu cần đạt, những nội dung dạy học cơ bản, giáo viên chủ động, sáng tạo trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; *tích hợp các nội dung giáo dục quyền con người; giáo dục lý tưởng cách mạng, lối sống; tích hợp giáo dục bảo vệ và tiết kiệm nguồn nước; giáo dục kỹ năng công dân số* cho học sinh vào kế hoạch dạy học môn học của tổ, khối.

Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để học sinh khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình, tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống học sinh trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để học sinh tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới.

Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho học sinh.

Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn.

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Đạo đức phải đảm bảo các yêu cầu: Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể và trong sinh hoạt, giao tiếp hàng ngày.

Tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức thông qua các sự kiện thời sự xảy ra trong nước, trên thế giới. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm; chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn.

2. Hướng dẫn dạy học môn Mỹ thuật

Khuyến khích giáo viên chú trọng việc tổ chức các hoạt động dạy học Mỹ thuật đa dạng, chú trọng dạy học phân hóa đối tượng, hướng đến việc tạo hứng thú học tập cho học sinh thông qua các hình thức tổ chức hoạt động dạy học, không sử dụng giờ học Mỹ thuật của học sinh để giảng dạy các môn khác. Sử dụng các sản phẩm Mỹ thuật của học sinh để trang trí lớp học, hành lang trường học hoặc làm đồ dùng dạy học cho các môn học khác nếu có chất lượng và nội dung phù hợp. Phòng GDĐT tiếp tục hướng dẫn các trường nhân rộng mô hình **Góc Mỹ thuật** với hình thức linh hoạt: góc học tập tại lớp, khu vực sảnh, hành lang, mục trên trang thông tin của trường,... để triển lãm sản phẩm

học tập môn Mỹ thuật của học sinh, khuyến khích học sinh say mê và sáng tạo trong học tập Mỹ thuật.

Tổ chức chuyên đề Mỹ thuật theo CTGDPT 2018 và sách giáo khoa mới, giúp giáo viên hiểu sâu sắc chương trình, nắm được những điểm mới, nâng cao hiệu quả dạy và học Mỹ thuật trong nhà trường.

3. Hướng dẫn dạy học môn Âm nhạc

Thực hiện theo chương trình, sách giáo khoa do cơ sở giáo dục lựa chọn để triển khai thực hiện theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, định hướng theo nội dung, yêu cầu đã được tập huấn dành cho đối tượng giáo viên dạy nhiều môn và giáo viên chuyên. Căn cứ vào nội dung dạy học, yêu cầu cần đạt và điều kiện thực tế, giáo viên vận dụng linh hoạt các hoạt động dạy học âm nhạc đặc thù (nghe, đọc, tái hiện, phản ứng, trình diễn, phân tích, đánh giá, ứng dụng, sáng tạo) cho phù hợp và hiệu quả; sử dụng những nhạc cụ có cao độ chuẩn để giúp học sinh phát triển kỹ năng nghe và hát đúng nhạc; hướng dẫn học sinh hoà tấu hoặc đệm cho bài hát, bản nhạc bằng cách kết hợp giữa các loại nhạc cụ và bộ gõ cơ thể (Body Percussion).

Lí thuyết âm nhạc không dạy tách biệt mà dạy tích hợp trong các nội dung hát, nhạc cụ, đọc nhạc. Ở lớp 1, lớp 2, lớp 3 cần chủ yếu sử dụng phương pháp đọc nhạc theo kí hiệu bàn tay và nốt nhạc, hình tượng; từ lớp 4 trở lên cần kết hợp giữa đọc nhạc theo kí hiệu bàn tay và kí hiệu ghi nhạc. Khuyến khích tổ chức các câu lạc bộ nhạc cụ, hướng dẫn học sinh sử dụng sáo Recorder và kèn phím Pianica.

4. Hướng dẫn dạy học môn Giáo dục thể chất

Thực hiện theo chương trình, sách giáo khoa do cơ sở giáo dục lựa chọn và định hướng theo nội dung, yêu cầu đã được tập huấn dành cho hai đối tượng giáo viên chuyên và giáo viên dạy nhiều môn.

Triển khai thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục thể chất cấp tiểu học theo chiến lược 6C (bao gồm 6 yếu tố: Confidence (tự tin), Contribution (đóng góp), Connection (gắn kết), Clear/Concise (rõ ràng/súc tích), Choice (lựa chọn) và Celebration (công nhận, khen ngợi)) tại 50 trường đã được tập huấn và mở rộng cho tất cả các cơ sở giáo dục thuộc địa bàn quản lí.

Tổ chức các hoạt động thể thao gắn liền với nội dung giáo dục thể chất, đa dạng hoá hình thức vận động, khuyến khích học sinh chủ động, tích cực tham gia rèn luyện sức khoẻ, phát triển thể chất, duy trì tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, tổ chức dạy các bài võ cổ truyền đã được tập huấn cho học sinh.

Tiếp tục tổ chức các trò chơi dân gian trong các dịp lễ hội, xây dựng kế hoạch đẩy mạnh công tác phổ cập bơi cho học sinh tiểu học, bảo đảm học sinh tiểu học hoàn thành phổ cập bơi.

6. Hướng dẫn tổ chức Hoạt động trải nghiệm

Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 18/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021 và công văn số 3446/GDĐT-TH ngày 26/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các mục về nội dung, loại hình, kế hoạch tổ chức và tài liệu học tập, riêng đánh giá thực hiện theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

PHỤ LỤC 7

Hướng dẫn chuyên môn nội dung giáo dục địa phương

(Ban hành theo công văn số/SGDDT-GDTH ngày ... tháng ... năm 2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024)

1. Lồng ghép nội dung giáo dục địa phương

1.1. Những vấn đề chung

Nội dung giáo dục địa phương gồm những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử truyền thống, địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, chính trị, xã hội, môi trường, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần bảo tồn những giá trị lịch sử, văn hóa của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng văn hóa, kinh tế - xã hội của thành phố ngày càng phát triển; tài liệu giáo dục địa phương của thành phố Hồ Chí Minh chính thức tổ chức dạy học ở tất cả các khối trong các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn thành phố.

Nội dung giáo dục địa phương bảo đảm cụ thể hóa được mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo yêu cầu cần đạt, được tích hợp trong hoạt động trải nghiệm và trong dạy học các môn học (Tự nhiên và xã hội, Lịch sử - Địa lí, Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Toán, Nghệ thuật,...), góp phần giáo dục các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh; bảo đảm thiết thực, phù hợp trình độ, làm cơ sở đánh giá kết quả giáo dục học sinh.

Nội dung giáo dục địa phương lớp 1, 2, 3, 4, 5 của Thành phố Hồ Chí Minh được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt để có thể điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của các đơn vị khác nhau; phù hợp với khả năng của giáo viên, với các nhóm đối tượng học sinh khác nhau và thực tiễn dạy học ở nhà trường. Giáo viên sử dụng tư liệu chính xác, phù hợp; vận dụng được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng tích hợp, phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; giúp học sinh có thêm cơ hội trải nghiệm và có thể vận dụng kiến thức đã học giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong học tập và đời sống, phù hợp lứa tuổi.

Giáo viên linh hoạt sử dụng nội dung trong tài liệu để lồng ghép và tích hợp với hoạt động trải nghiệm (Sinh hoạt chào cờ, sinh hoạt lớp, các hoạt động giáo dục và ngoại khóa) và các môn học khác; có thể chủ động phân bố nội dung theo các mạch hoạt động của từng chủ đề.

Riêng đối với lớp 4 và lớp 5, cần chú trọng mạch nội dung giáo dục “Địa phương em”. Nội dung, thời lượng mạch nội dung “Địa phương em” được quy định tại Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học. Mạch nội dung “Địa phương em” bao gồm hai chủ đề “Thiên nhiên và con người địa phương” và “Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương” với yêu cầu cần đạt như sau:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
ĐỊA PHƯƠNG EM	
Thiên nhiên và con người địa phương	- Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ Việt Nam. - Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu,...) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.

	- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở địa phương. - Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.
Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương	- Mô tả được một số nét về văn hóa (ví dụ: nhà ở, phong tục, tập quán, lễ hội, trang phục, ẩm thực,...) của địa phương. - Lựa chọn và giới thiệu được ở mức độ đơn giản một món ăn, một loại trang phục hoặc một lễ hội tiêu biểu,... ở địa phương. - Kể lại câu chuyện về một trong số các danh nhân ở địa phương.

- Thời lượng: 6% trong tổng thời lượng 70 tiết của Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.

- Việc tổ chức dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” là một yêu cầu bắt buộc để thực hiện Chương trình môn Lịch sử và Địa lí, có vị trí tương đương các mạch nội dung khác của Chương trình môn Lịch sử và Địa lí trong Chương trình GDPT 2018. Thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập mạch nội dung “Địa phương em” thực hiện như các mạch nội dung khác trong Chương trình môn Lịch sử và Địa lí.

- Nếu như nội dung giáo dục địa phương ở tiểu học “được tích hợp với hoạt động trải nghiệm” (Chương trình Tổng thể) thì nội dung “Địa phương em” có vị trí như là một trong “những nội dung cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc” (Chương trình Tổng thể). Với nội dung tích hợp, việc tổ chức dạy học (nội dung tích hợp, mức độ tích hợp...) tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của địa phương, nhà trường, trình độ học sinh và đặc điểm hoạt động giáo dục trên cơ sở phải đảm bảo mục tiêu, nội dung, phương pháp của môn học/hoạt động giáo dục mà giáo dục địa phương tích hợp vào. Nhưng với mạch nội dung “Địa phương em” thì việc tổ chức dạy học đáp ứng các yêu cầu cần đạt của Chương trình là một yêu cầu mang tính “pháp lệnh”. Vì vậy, tính đặc thù thể hiện ở chỗ cũng là nội dung giáo dục địa phương nhưng lại là nội dung giáo dục bắt buộc chứ không phải là nội dung để tích hợp.

1.2. Khung chương trình giảng dạy nội dung giáo dục địa phương:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CẤP TIỂU HỌC

LỚP 1 - 2 - 3

TT	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	BÀI HỌC
1	Quê hương em tươi đẹp	- Nhận biết quê hương nơi em sống qua một số hình ảnh, địa danh, thắng cảnh nổi tiếng. - Thể hiện được tình cảm yêu quý, tự hào về quê hương. - Giới thiệu được cho bạn bè và người thân về quê hương.	Lớp 1: Thành phố Hồ Chí Minh - Quê hương em tươi đẹp - Tìm hiểu tên gọi Thành phố Hồ Chí Minh và các quận, huyện. - Khám phá sắc màu quê hương Thành phố Hồ Chí Minh.
			Lớp 2: Thành phố Hồ Chí Minh - những nét đặc trưng - Tìm hiểu một số khu công nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh

			- Khám phá một số trung tâm thương mại và chợ lâu đời ở Thành phố Hồ Chí Minh - Khám phá một số hệ thống giao thông ở Thành phố Hồ Chí Minh
			Lớp 3: Thành phố Hồ Chí Minh - Vùng đất, con người - Khám phá tên gọi, thời gian thành lập và một số địa danh lâu đời của Thành phố Hồ Chí Minh. - Tìm hiểu về vị trí, đặc điểm tự nhiên ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Tìm hiểu về đặc điểm dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Danh nhân lịch sử, văn hoá	- Có khái niệm ban đầu về các danh nhân lịch sử, văn hoá. - Tổ lòng tôn kính, biết ơn các nhân vật. - Giới thiệu thêm một số danh nhân lịch sử, văn hóa tại địa phương.	Lớp 1: Nguyễn Hữu Cảnh - Người mở cõi đất phương Nam - Hình ảnh nhân vật - Thân thế nhân vật - Đóng góp tiêu biểu - Câu chuyện liên quan đến nhân vật: + <i>Câu chuyện lúc sinh thời (khoảng 0.5-1 trang).</i> + <i>Câu chuyện về chiến công, tài đức (khoảng 0.5-1 trang).</i> - Dấu ấn còn lưu, những việc nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm để ghi nhớ công ơn nhân vật.
			Lớp 2: Chủ tịch Hồ Chí Minh – Bác Hồ kính yêu - Chân dung nhân vật (hình ảnh). - Thân thế nhân vật: Quê quán, thân thế, gia đình. - Đóng góp tiêu biểu. - Câu chuyện về nhân vật. - Dấu ấn còn lưu, tình cảm của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với Bác
			Lớp 3: Giáo sư Trần Văn Giàu - Một tài năng, một nhân cách lớn - Quê quán, thân thế - Đóng góp tiêu biểu - Câu chuyện về nhân vật - Công trình/ tác phẩm
3	Nghệ thuật/ làng nghề truyền thống	- Cung cấp thông tin về các làng nghề/nghệ thuật truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Có sự yêu mến đối	Lớp 1: Làng hoa Gò Vấp - Khám phá làng hoa Gò Vấp xưa và nay. - Tìm hiểu công viên làng hoa Gò Vấp. - Các sản phẩm chủ yếu. - Vẻ đẹp của sản phẩm. - Trải nghiệm và yêu mến sản phẩm.

		với các làng nghề/nghệ thuật truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị của làng nghề/nghệ thuật truyền thống.	Lớp 2: Làng nghề làm lồng đèn ở Thành phố Hồ Chí Minh - Giới thiệu làng nghề. - Nguyên liệu làm lồng đèn. - Các sản phẩm chủ yếu: đèn ông sao, đèn cá chép,... - Vẻ đẹp của sản phẩm. - Trải nghiệm và yêu mến sản phẩm. Lớp 3: Nghệ thuật sân khấu cải lương - Giới thiệu hình ảnh về nghệ thuật sân khấu cải lương. - Đặc điểm của nghệ thuật sân khấu cải lương. - Sự phát triển của nghệ thuật sân khấu cải lương tại Thành phố Hồ Chí Minh.
4	Đặc sản địa phương	- Gọi tên, nhận biết được một số đặc sản ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Mô tả được những đặc điểm cơ bản của một số món ăn đặc sản. - Biết giới thiệu với người thân và bạn bè về các món ăn đặc sản ở Thành phố Hồ Chí Minh.	Lớp 1: Các món ăn quen thuộc ở Thành phố Hồ Chí Minh - Hình ảnh. - Nguyên liệu để chế biến. - Hương vị đặc trưng. - Trải nghiệm và yêu mến. Lớp 2: Cơm tấm Sài Gòn - Hình ảnh đặc sản. - Nguyên liệu, cách chế biến. - Đặc trưng hương vị. - Trải nghiệm và yêu quý. Lớp 3: Cà phê - Một nét văn hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh - Một số phong cách hàng quán cà phê ở thành phố Hồ Chí Minh. - Cách chế biến. - Hương vị đặc trưng, giá trị, ý nghĩa... - Trải nghiệm và yêu mến
5	Di tích lịch sử - văn hóa	- Giúp học sinh có kiến thức sơ lược về các di tích lịch sử văn hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Biết được các hiện vật được trưng bày trong các di tích lịch sử - văn hoá. - Yêu quý, trân trọng và có ý thức bảo tồn các di tích lịch sử - văn hoá.	Lớp 1: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh - Tìm hiểu Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. - Khám phá kiến trúc Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. - Khám phá hiện vật trong Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. Lớp 2: Khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi - Đặc điểm về cảnh quan, địa danh. - Hình ảnh, tư liệu,... - Ý nghĩa, giá trị văn hoá, lịch sử... - Trải nghiệm và yêu mến. Lớp 3: Dinh Độc Lập - Đặc điểm về cảnh quan, địa danh.

			- Hình ảnh, tư liệu... - Ý nghĩa, giá trị về văn hoá, lịch sử,... - Trải nghiệm và yêu mến.
--	--	--	---

LỚP 4

TT	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Chương trình môn học
1	Địa lí địa phương Thành phố Hồ Chí Minh	- Tìm hiểu về vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh. - Khám phá những đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Thành phố Hồ Chí Minh. - Khám phá một số hoạt động kinh tế tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh.	- Xác định được vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ hành chính. - Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, biển, đất, sinh vật, khoáng sản) của Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được một số hoạt động kinh tế tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.	Lịch sử và Địa lí 4: mạch nội dung <i>Địa phương em, mục Thiên nhiên và con người địa phương.</i>
2	Di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	- Tìm hiểu khái niệm, xếp hạng và phân loại di tích lịch sử - văn hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Khám phá một số di tích lịch sử - văn hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh vào thời kì tiền sử, sơ sử, văn hoá Óc Eo và thời kì khai phá vùng đất phương Nam. - Khám phá một số di tích lịch sử - văn hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.	- Khái niệm, xếp hạng, phân loại di tích lịch sử - văn hoá. - Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (tính đến năm 2022). - Phân loại và giới thiệu các di tích lịch sử - văn hoá theo từng thời kì lịch sử trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Lịch sử và Địa lí 4: mạch nội dung <i>Địa phương em, mục Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương.</i>
3	Lễ hội trên địa bàn Thành phố	- Tìm hiểu khái niệm, ý nghĩa của lễ hội. - Tìm hiểu một số lễ hội tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh.	- Nắm được khái niệm; hiểu được ý nghĩa của lễ hội trong cuộc sống.	Lịch sử và Địa lí 4: mạch nội dung <i>Địa phương em, mục Lịch sử</i>

TT	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Chương trình môn học
	Hồ Chí Minh		- Mô tả được những nét chính về một số lễ hội truyền thống tiêu biểu của địa phương.	<i>và văn hoá truyền thống địa phương.</i>
4	Đồng dao, dân ca, bài hát thiếu nhi và trò chơi dân gian địa phương	- Tìm hiểu về đồng dao. - Tìm hiểu về dân ca, bài hát thiếu nhi và trò chơi dân gian.	- Nắm được khái niệm về đồng dao, dân ca. - Biết được một số nội dung chính, thể, nhịp của đồng dao. - Kể được tên một số bài dân ca, bài hát thiếu nhi ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Biết chơi một số trò chơi thiếu nhi gắn với bài đồng dao.	Tiếng Việt 4, Âm nhạc 4
5	Sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương	- Tìm hiểu làng nghề đúc lư đồng An Hội. - Tìm hiểu làng nghề đan lát Thái Mỹ.	- Bước đầu nhận biết và nêu được đặc điểm sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương. - Bước đầu cảm nhận được nét đẹp sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương. - Nhớ địa danh, tên sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương - Bước đầu biết làm sản phẩm thủ công đơn giản.	Mĩ thuật 4
6	Một số nhân vật tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh	- Tìm hiểu về anh hùng Nguyễn Văn Cừ. - Tìm hiểu về anh hùng Lê Thị Riêng.	- Kể được tên và đóng góp của những danh nhân đối với địa phương và đất nước. - Biết được những việc mà nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện để ghi nhớ công ơn của các danh nhân. - Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.	Lịch sử và Địa lí 4: mạch nội dung <i>Địa phương em</i> , mục <i>Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương.</i>
7	Ẩm thực ở Thành phố Hồ Chí Minh	- Tìm hiểu về món chè mâm. - Tìm hiểu về bánh mì chảo.	- Gọi tên, nhận biết được một số món ăn phổ biến ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Mô tả được những đặc điểm cơ bản của một số món ăn đặc sản. - Biết giới thiệu với người thân và bạn bè về các món ăn phổ biến ở Thành phố Hồ Chí Minh.	Lịch sử và Địa lí 4: mạch nội dung <i>Địa phương em</i> , mục <i>Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương.</i>

LỚP 5

TT	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Chương trình môn học
1	Địa lí địa phương các quận/huyện trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh	Thiên nhiên và con người ở các quận/huyện.	– Xác định được vị trí địa lí của địa phương (quận/huyện) trên bản đồ hành chính Thành phố Hồ Chí Minh. – Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu,...) của địa phương (quận/huyện) có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh. – Trình bày được một số hoạt động kinh tế tiêu biểu ở địa phương (quận/huyện). – Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh phù hợp với lứa tuổi của các em.	Lịch sử và Địa lí 5
2	Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh qua các thời kì	– Giới thiệu các giai đoạn lịch sử chính ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn văn hoá Đồng Nai, vương quốc Phù Nam và Hậu Phù Nam. – Thành phố Hồ Chí Minh thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn. – Thành phố Hồ Chí Minh trong hai cuộc kháng chiến cứu nước.	– Giới thiệu sơ lược các giai đoạn lịch sử chính ở Thành phố Hồ Chí Minh qua những sự kiện nổi bật. – Trình bày những giai đoạn lịch sử của Thành phố Hồ Chí Minh qua những câu chuyện kể.	Lịch sử và Địa lí 5

TT	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Chương trình môn học
		– Thành phố Hồ Chí Minh từ thời kì đổi mới đến nay.		
3	Danh nhân địa phương	Tìm hiểu về Chủ tịch Tôn Đức Thắng.	– Hiểu được cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Tôn Đức Thắng. – Biết được những đóng góp của Chủ tịch Tôn Đức Thắng đối với địa phương và đất nước. – Trình bày được những việc làm mà nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện để tưởng nhớ công ơn của Chủ tịch Tôn Đức Thắng. – Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.	Đạo đức 5
4	Văn học thiếu nhi địa phương	– Giới thiệu chung về văn học thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh. – Giới thiệu một văn bản truyện thiếu nhi tiêu biểu của nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh hoặc nhà văn ở tỉnh khác viết về thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh. – Giới thiệu một văn bản thơ thiếu nhi tiêu biểu của nhà thơ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc nhà thơ ở tỉnh khác viết	– Biết đọc diễn cảm và kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ. – Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản; hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản.	Tiếng Việt 5

TT	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Chương trình môn học
		về thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh.		
5	Dân ca và bài hát thiếu nhi, trò chơi dân gian địa phương	1. Khám phá: những làn điệu dân ca, bài hát thiếu nhi, trò chơi dân gian ở TP.HCM (tùy vào từng khu vực trong TP mà GV có thể yêu cầu hoặc tìm kiếm các bài hát thiếu nhi, dân ca hoặc trò chơi dân gian liên quan đến khu vực đó) Ví dụ: bài hát thiếu nhi của các nhạc sĩ ở TP. + Trò chơi dân gian <i>Đẩy gậy</i>. + Trò chơi dân gian <i>Rồng rắn lên mây</i>. 2. Nghe nhạc: nghe, vận động và cảm thụ âm nhạc qua bài <i>Hái cà</i>. 3. Hoạt động âm nhạc: dùng nhạc cụ gõ đơn giản và vận động cơ thể để gõ đệm cho bài hát. 4. Trò chơi âm nhạc: tái hiện	– Nhận biết và nêu được đặc điểm dân ca địa phương – Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của dân ca địa phương – Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát thiếu nhi – Biết hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái, hát rõ lời và thuộc lời; duy trì được tốc độ ổn định – Nghe, vận động và cảm thụ âm nhạc thông qua nhạc cụ gõ kết hợp vận động cơ thể – Biết chơi một số trò chơi dân gian kết hợp với âm nhạc.	Âm nhạc 5

TT	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Chương trình môn học
		trò chơi dân gian <i>Rồng rắn lên mây</i> kết hợp vận động theo nhạc .		
6	Làng nghề truyền thống địa phương	– Tìm hiểu về làng nghề thủ công truyền thống Tân Thông Hội. – Tìm hiểu về làng dệt Bảy Hiền.	– Nhận biết và nêu được đặc điểm sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương – Cảm nhận được nét đẹp sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương – Nhớ địa danh, tên sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương – Biết tạo hình sản phẩm thủ công mỹ nghệ đơn giản.	Mĩ thuật 5
7	Một số món ăn nổi tiếng ở Thành phố Hồ Chí Minh	– Tìm hiểu về món bánh xèo. – Tìm hiểu về món phở.	– Gọi tên, nhận biết được một số món ăn phổ biến ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Mô tả được những đặc điểm cơ bản của một số món ăn đặc sản. – Biết giới thiệu với người thân và bạn bè về các món ăn phổ biến ở Thành phố Hồ Chí Minh.	Mạch nội dung <i>Địa phương em</i>

PHỤ LỤC 8

Hướng dẫn chuyên môn môn tiếng Anh và các ngoại ngữ khác
(Ban hành theo công văn số/SGDDĐT-GDTH ngày ... tháng ... năm 2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024)

I. MÔN TIẾNG ANH

1. Hướng dẫn chung

1.1. Các loại hình dạy học Tiếng Anh cấp Tiểu học:

- Thực hiện dạy tự chọn ở lớp 1 và lớp 2 theo CT GDPT 2018;
- Thực hiện dạy bắt buộc ở lớp 3, 4, 5 theo CT GDPT 2018;
- Các tiết tiếng Anh tăng cường, dạy ngoại ngữ với giáo viên người nước ngoài, dạy ngoại ngữ qua phần mềm hỗ trợ, dạy ngoại ngữ qua môn Toán và Khoa học¹ (theo hình thức xã hội hóa giáo dục, không bắt buộc);
- Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam².

1.2. Thời lượng và nội dung dạy học:

1.2.1. Đối với khối lớp 1 và 2: Thời lượng từ 2 đến 8 tiết/tuần, trong đó:

- Tiếng Anh tự chọn: thực hiện 2 tiết/tuần theo nội dung chương trình và các sách giáo khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định;
- Tiếng Anh tăng cường³ (thực hiện sau 2 tiết tự chọn của CT GDPT 2018 theo hình thức xã hội hóa giáo dục, không bắt buộc) với các tài liệu, học liệu, phần mềm hỗ trợ ngôn ngữ, hỗ trợ dạy các môn Ngoại ngữ 1 đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá chất lượng và cho phép sử dụng với mục đích giúp học sinh đạt được các chuẩn đầu ra của học sinh tiểu học Thành phố Hồ Chí Minh;

1.2.2. Đối với lớp 3, 4 và 5: Thời lượng từ 4 đến 8 tiết/tuần, trong đó:

- Tiếng Anh bắt buộc: thực hiện 4 tiết/tuần theo nội dung chương trình và các sách giáo khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định;
- Tiếng Anh tăng cường⁴ (thực hiện sau 4 tiết của CT GDPT 2018) theo hình thức xã hội hóa giáo dục, không bắt buộc, với các tài liệu, học liệu, phần mềm hỗ trợ ngôn ngữ đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá chất lượng và

¹ Dạy học một số môn học bằng tiếng nước ngoài theo Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác sau khi hoàn tất CT GDPT 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn số 3239/GDĐT-VP ngày 07/9/2017 của sở Giáo dục và Đào tạo về chuẩn quốc tế đánh giá năng lực tiếng Anh của học sinh phổ thông thành phố Hồ Chí Minh.

² Theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

³ Dạy học một số môn học bằng tiếng nước ngoài theo Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác sau khi hoàn tất CT GDPT 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn số 3239/GDĐT-VP ngày 07/9/2017 của sở Giáo dục và Đào tạo về chuẩn quốc tế đánh giá năng lực tiếng Anh của học sinh phổ thông thành phố Hồ Chí Minh.

⁴ Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác và công văn số 3239/GDĐT-VP ngày 07/9/2017 của sở Giáo dục và Đào tạo về chuẩn quốc tế đánh giá năng lực tiếng Anh của học sinh phổ thông thành phố Hồ Chí Minh.

cho phép sử dụng với mục đích giúp học sinh đạt được các chuẩn đầu ra của học sinh tiểu học Thành phố Hồ Chí Minh;

1.2.3. Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam theo Quyết định 5695 (Gọi tắt là Chương trình Tích hợp);

Các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5; cụ thể: Tiếng Anh Tích hợp: 8 tiết/ tuần (trong đó: Tiếng Anh 4 tiết/tuần; Toán 2 tiết/tuần; Khoa học 2 tiết/tuần).

2. Hướng dẫn cụ thể

2.1. Thực hiện chương trình:

- Tuần 1: Giáo viên lớp 1 làm quen với lớp, hướng dẫn học sinh thiết kế nội quy lớp học bằng Tiếng Anh; giáo viên lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5 ôn tập lại kiến thức lớp dưới;

- Từ Tuần 2 đến cuối năm học: Thực hiện việc giảng dạy với thời lượng và nội dung dạy học ở mục 1.2. nêu trên.

Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra việc thực hiện chương trình giảng dạy hàng tuần theo quy định.

3. Kiểm tra đánh giá

- Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

- Đối với học sinh học Chương trình tích hợp, việc đánh giá học sinh dựa trên cơ sở đảm bảo đáp ứng khả năng, kiến thức chuẩn, yêu cầu cần đạt của cả Chương trình GDPT 2018 và của Chương trình Tích hợp như sau: Điểm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ của Chương trình Tích hợp được tính là điểm đánh giá thường xuyên trong Chương trình GDPT 2018. Điểm đánh giá cuối kỳ của Chương trình Tích hợp là điểm đánh giá cuối kỳ trong Chương trình GDPT 2018.

4. Việc giảng dạy Tiếng Anh với các phần mềm và tài liệu hỗ trợ

Việc giảng dạy Tiếng Anh tăng cường với các phần mềm và tài liệu hỗ trợ được triển khai theo hình thức xã hội hóa giáo dục, trên tinh thần tự nguyện, đồng thuận của học sinh và cha mẹ học sinh, không bắt buộc. Các Phòng GDĐT quận huyện và thành phố Thủ Đức chỉ đạo các trường tiểu học thực hiện nghiêm yêu cầu: ngoài sách giáo khoa là tài liệu bắt buộc, nhà trường không được ép buộc học sinh phải mua tài liệu tham khảo; phụ huynh, học sinh tự mua sắm theo nhu cầu thực tế và có quyền tự chọn, không bắt buộc.

Các các phần mềm và tài liệu hỗ trợ cần bám sát các nguyên tắc sau:

- Chỉ tổ chức giảng dạy sau khi hoàn tất các tiết của Môn Tiếng Anh trong Chương trình GDPT 2018;

- Phần mềm, tài liệu và các xuất bản phẩm tham khảo, hỗ trợ được thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/07/2014 của Bộ GDĐT; được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định hoặc được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá chất lượng phù hợp giảng dạy. Những tài liệu dạy tăng cường tiếng Anh qua các môn Toán, Khoa học tự nhiên, Công nghệ và Tin học bằng tiếng nước ngoài (bằng tiếng nước

ngoài, tiếng Việt hoặc song ngữ) phải được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá và cho phép sử dụng⁵. Tuân thủ Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác có liên quan.

7. Yêu cầu cần đạt đối với học sinh tham gia chương trình tiếng Anh tăng cường, tiếng Anh tích hợp

Lớp	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD-ĐT/Khung CEFR	PTE Young Learners (Điểm)	Bài thi TOEFL Primary cấp độ 1 (Sao)	Bài thi TOEFL Primary cấp độ 2 (Huy hiệu)	Bài thi Cambridge YLE (Khiên – Shield)
2	A0	Firstwords (48-53)	2 sao		Starters (10/15 khiên)
3	Pre-A1	Springboard (48-53)	3 sao		
4	A1-A2	Quickmarch (48-53)	4 sao	2 Huy hiệu	Movers (10/15 khiên)
5	A2	Breakthrough (48-53)		3 Huy hiệu	Flyers (10/15 khiên)

5. Lịch sinh hoạt chuyên môn

- Tháng 10/2024: Chuyên đề “Tiết học tiếng Anh lớp 5 theo chương trình GDPT 2018 qua hoạt động Kể chuyện” – Cụm 1;
- Tháng 11/2024: Chuyên đề “Dạy và học tiếng Anh lớp 5 CT GDPT 2018 qua môn Toán và Khoa học” – Cụm 3;
- Tháng 02/2025: Chuyên đề “Dạy và học tiếng Anh lớp 5 CT GDPT 2018 theo phương pháp Dạy học theo Dự án” – Cụm 2;
- Tháng 3/2025: Chuyên đề “Tiết học tiếng Anh lớp 5 theo chương trình GDPT 2018 với phần mềm hỗ trợ và giáo viên bản ngữ” – Cụm 4.

6. Việc sử dụng giáo viên dạy tiếng Anh là người nước ngoài

- Bảo đảm mỗi cơ sở giáo dục lựa chọn ít nhất hai đơn vị cung cấp khi sử dụng giáo viên nước ngoài để tạo được không gian thi đua dạy học lành mạnh, phát triển chất lượng chung vì học sinh.
- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu danh sách giáo viên người nước ngoài với thực tế, đảm bảo giáo viên người nước ngoài được đăng ký tại Cổng thông tin của Sở có đầy đủ hồ sơ hợp pháp trước khi giảng dạy tại trường, bảo đảm đúng người, đúng danh sách. Danh sách giáo viên phải được các công ty cập nhật trực tuyến thường xuyên, liên tục.

⁵ Chương II, điều 3, mục 1 của Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

- Giáo viên người nước ngoài khi đến làm việc, giảng dạy tại trường tiểu học phải đảm bảo tính ổn định để nắm bắt năng lực từng học sinh, chấp hành đầy đủ các quy định của nhà trường về giờ giấc, trang phục, quy chế chuyên môn.

- Định kỳ cuối học kỳ I, cuối năm học các công ty, trung tâm quản lý giáo viên người nước ngoài phải báo cáo tình hình hoạt động cho Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo; khi có thay đổi giáo viên, phải có văn bản thông báo và được nhà trường chấp thuận.

II. CÁC NGOẠI NGỮ KHÁC

1. Chương trình tiếng Pháp

1.1. Hướng dẫn chung

Thực hiện giảng dạy Môn Tiếng Pháp bắt buộc với thời lượng 4 tiết/tuần theo Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 với tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định và phê duyệt. Sau khi thực hiện 4 tiết chính khóa, có thể tiếp tục thực hiện giảng dạy Tiếng Pháp tăng cường với tổng thời lượng giảng dạy tiếng Pháp trong một tuần tối đa không quá 10 tiết. Chương trình tiếng Pháp tăng cường có thể sử dụng tài liệu *La petite grenouille, Ici et Ailleurs, Ici au Vietnam*; Căn cứ trên kế hoạch dạy học chương trình song ngữ do nhà trường phê duyệt, các giáo viên điều chỉnh và bổ sung các tài liệu cần thiết, phù hợp với nội dung các bài học theo mục tiêu của từng lớp/môn học và mục tiêu của Chương trình song ngữ tiếng Pháp mới.

1.2. Kiểm tra đánh giá

- Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

- Trong suốt cấp học, kiểm tra, đánh giá 4 kỹ năng giao tiếp: Nghe, Nói, Đọc, Viết (CO, EO, CE, EE) và Kiến thức ngôn ngữ (CL). Ngoài ra, ở lớp 4 và 5 có thêm bài kiểm tra Kiến thức Toán và Kiến thức Khoa học được dạy trong chương trình.

- Thời lượng và các bài kiểm tra qui định như sau:

STT	Nội dung	Điểm kiểm tra định kì (thang điểm 10)
1	Nghe (CO)	1 lần (15 phút)
2	Đọc (CE)	1 lần (20 phút cho lớp 1, 2, 3) 1 lần (30 phút cho lớp 4, 5)
3	Nói (EO)	1 lần (10 phút/ học sinh, kể cả thời gian chuẩn bị)
4	Viết (EE)	1 lần (20 phút cho lớp 1, 2, 3) 1 lần (30 phút cho lớp 4, 5)
5	Kiến thức ngôn ngữ (CL)	1 lần (20 phút)
6	Kiến thức Toán (M) và Kiến thức Khoa học (SC)	1 lần cho lớp 4 và lớp 5 (30 phút trong đó M: 20 phút; SC: 10 phút)

- Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá như sau:
 - + Kỹ năng Nói (EO) có thể được kiểm tra thường xuyên trong quá trình dạy học thay vì kiểm tra tập trung.
 - + Đối với các kỹ năng và kiến thức khác, thực hiện các bài kiểm tra ghép như sau:
 - * Nghe (CO) + Viết (EE);
 - * Kiến thức ngôn ngữ (CL) + Đọc (CO);
 - * Kiến thức Toán (M) + Kiến thức Khoa học (SC) ở lớp 4 và 5.
- Đề kiểm tra định kỳ do tổ chuyên môn biên soạn.

2. Chương trình tiếng Trung Quốc

2.1. Hướng dẫn chung

2.1.1. Đối với các lớp 1 và 2

Cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục để tổ chức giảng dạy môn Tiếng Trung Quốc là môn Ngoại ngữ 1 tự chọn, bảo đảm tính liên thông cho học sinh được học tiếng Trung Quốc là môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc từ lớp 3.

Thời lượng dạy học không vượt quá 8 tiết/tuần, phù hợp với hình thức học làm quen với tiếng Trung Quốc, không gây quá tải cho học sinh.

Nội dung làm quen với tiếng Trung Quốc được thực hiện theo hướng dẫn điều chỉnh nội dung Chương trình môn Tiếng Trung Quốc lớp 1 và lớp 2. Nội dung làm quen với tiếng Trung Quốc phải được thể hiện trong Kế hoạch giáo dục của nhà trường, cơ sở giáo dục lựa chọn tài liệu giảng dạy theo thẩm quyền và quy định của Bộ GDĐT.

2.1.2. Đối với các lớp 3, 4

Thực hiện chương trình tăng cường tiếng Trung Quốc bao gồm CTGDPT của môn Tiếng Trung Quốc ngoại ngữ 1 quy định tại Thông tư số 19 và nội dung bổ trợ tăng cường thực hành các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết do nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm học sinh các lớp tăng cường tiếng Trung Quốc đạt chuẩn đầu ra theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

Tổng thời lượng dành cho học sinh học tiếng Trung Quốc bao gồm môn tiếng Trung Quốc ngoại ngữ 1 là 4 tiết/tuần theo chương trình GDPT 2018 và không quá 4 tiết/tuần dành cho nội dung dạy học tăng cường bổ trợ.

Cơ sở giáo dục sử dụng SGK theo quy định của Bộ GDĐT.

2.1.3. Đối với lớp 5:

Thực hiện dạy tiếng Trung Quốc theo các văn bản hiện hành. Do chưa có tài liệu được Bộ GD-ĐT thẩm định và phê duyệt, nên tạm thời vẫn sử dụng tài liệu hiện hành, có điều chỉnh theo hướng dẫn của chương trình GDPT 2018.

2.2. Kiểm tra đánh giá

- Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

PHỤ LỤC 9

Hướng dẫn chuyên môn về hoạt động giáo dục STEM

*(Ban hành theo công văn số/SGDDĐT-GDTH ngày ... tháng ... năm 2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 - 2024)*

1-/ Hướng dẫn chung

Giáo dục STEM là phương thức giáo dục chủ yếu dựa trên hoạt động dạy học tích hợp, tạo cơ hội cho học sinh huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc các lĩnh vực Khoa học (Science), Công nghệ (Technology), Kỹ thuật (Engineering) và Toán học (Mathematics) để phát triển phẩm chất, năng lực và giải quyết hiệu quả các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. Khuyến khích tích hợp thêm yếu tố nghệ thuật, nhân văn (Art) ở một số môn học/hoạt động giáo dục có trong chương trình nhằm mở rộng, nâng cao hiệu quả của giáo dục thực hành, hợp tác theo nhiều cách khác nhau để thúc đẩy tính sáng tạo, thẩm mỹ, trí tò mò và sự thấu cảm của học sinh (Thực hiện giáo dục STEAM)

Tổ chức thực hiện các hoạt động về giáo dục STEM theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 1910/SGDDĐT-GDTH ngày 24/4/2023 về hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục Tiểu học theo công văn số 909/BGDĐT-GDTH.

Trong năm học 2024-2025, đề nghị tất cả các trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường có tích hợp việc tổ chức thực hiện giáo dục STEM, khuyến khích thực hiện đầy đủ cả ba hình thức: Bài học STEM, Trải nghiệm STEM và làm quen với nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Triển khai thực hiện nội dung Bài học STEM đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng tài liệu tập huấn; sử dụng tài liệu, học liệu, xuất bản phẩm đã được thẩm định/phê duyệt/đánh giá. Tổ chức cho 100% giáo viên nghiên cứu giảng dạy Bài học STEM:

- Dạy học các môn học theo bài học STEM là hình thức tổ chức dạy học thực hiện tích hợp nội môn hoặc liên môn. Đây là hình thức triển khai giáo dục STEM chủ yếu trong nhà trường nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

- Nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học STEM bám sát yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học. Thời lượng tổ chức thực hiện bài học STEM được xây dựng dựa trên thời lượng các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan đến bài học STEM một cách khoa học, linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, không gây quá tải đối với học sinh và giáo viên và được thể hiện trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo quy định.

- Tiến trình thực hiện bài học STEM dựa trên quy trình thiết kế kỹ thuật hoặc quy trình khám phá khoa học với các hoạt động học phù hợp với đối tượng học sinh và sử dụng các thiết bị dạy học cấp Tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT đã ban hành cùng các đồ dùng học tập của học sinh trong các môn học/hoạt động giáo dục, các vật tư, vật liệu dễ tìm, sẵn có đối với giáo viên và học sinh. Khuyến khích sử dụng các nguồn tài nguyên số hỗ trợ, thí nghiệm ảo, mô phỏng, phần mềm, có thể dễ dàng truy cập sử dụng trong và ngoài lớp học để giúp học sinh chủ động trong học tập.

Mỗi giáo viên cần đẩy mạnh thực hiện mỗi tháng 01 chủ đề BÀI HỌC STEM. Nhà trường có ghi nhận và lưu lại các minh chứng cho việc thực hiện của giáo viên. Các nội dung tích hợp giáo dục STEM cần thể hiện cụ thể trong kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học/ hoạt động giáo dục, các kế hoạch bài dạy tích hợp cụ thể và biên bản sinh hoạt chuyên môn của tổ khối.

Tiếp tục triển khai thực hiện các góc triển lãm sản phẩm STEM tại các lớp học và góc trưng bày Giáo dục STEM tại khuôn viên nhà trường. Lưu ý việc tận dụng được các vật liệu sẵn có và thân thiện với môi trường để tạo ra sản phẩm STEM sẽ góp phần giáo dục cho học sinh ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh tổ chức các chuyên đề về Bài học STEM cấp trường, cấp quận/ huyện.

Không gian, thời gian tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm STEM có thể vượt ra ngoài không gian nhà trường (cơ sở sản xuất, trường đại học, viện nghiên cứu,...), ngoài thời gian môn học/hoạt động giáo dục. Tổ chức ngày hội giao lưu về nghiên cứu khoa học, kỹ thuật tại đơn vị làm cơ sở để lựa chọn các đề tài/dự án nghiên cứu tham gia các sân chơi về nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phù hợp với học sinh cấp Tiểu học.

Tăng cường sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn>; đồng thời cập nhật các chủ đề STEM đã thực hiện trên hệ thống LMS.

2. Hướng dẫn đánh giá

Giáo viên chú trọng và tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội để bộc lộ và phát triển những năng lực và phẩm chất của mình; phát huy năng lực sáng tạo, tư duy logic và khả năng giải quyết vấn đề tốt hơn; cung cấp kiến thức đa dạng, nâng cao kỹ năng mềm như: tư duy phản biện, làm việc nhóm, khả năng giao tiếp trong quá trình tổ chức hoạt động dạy và đánh giá thường xuyên.

Đánh giá học sinh trong bài học STEM được thực hiện như quy định về kiểm tra, đánh giá theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt của bài học STEM, giáo viên thực hiện đánh giá học sinh dựa trên các phương pháp chủ yếu như quan sát, vấn đáp, đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh. Khi đánh giá, cần coi trọng đánh giá quá trình (đánh giá thường xuyên) động viên sự tiến bộ của học sinh, tạo sự tự tin và hứng thú học tập cho học sinh.

Tổ chức đánh giá năng lực học sinh qua sản phẩm làm được, giúp học sinh phát triển được năng lực, phẩm chất, nâng cao chất lượng dạy học góp phần thực hiện thành công mục tiêu của CT GDPT 2018.